

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện;

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 674/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1982; nơi cư trú: 107/17 BG, phường 8, thành phố VT, tỉnh BR - VT (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1976; nơi cư trú: 107/17 BG, phường 8, thành phố VT, tỉnh BR - VT (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thái H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, ngày 26 tháng 10 năm 2006. Sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống của mỗi người khác nhau, không hòa hợp trong chuyện quan hệ vợ chồng. Bản thân bà bị bệnh phụ nữ, phải đi điều trị ở rất nhiều nơi nhưng tình trạng không thuyên giảm nên không muốn quan hệ vợ chồng nhưng vẫn bị chồng ép buộc dẫn việc bà phải quan hệ trong trạng thái không tự nguyện, đã ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần của bà. Bà đã tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng không thể cải thiện được. Đến khoảng đầu năm 2017, vợ chồng bà xảy ra xô xát, từ đó vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng ở riêng phòng và không quan hệ vợ chồng từ đó cho đến nay. Bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông H có 02 con chung là Nguyễn Ái Thảo Nguyên, sinh năm 2007 và Nguyễn Thái Gia Huy, sinh năm 2014. Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Gia Huy; ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thảo Nguyên. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà thay đổi yêu cầu cụ thể là: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thảo Nguyên; ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Gia Huy. Bà và ông H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thái H trình bày:

Ông thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như bà N trình bày. Ông H thừa nhận vợ chồng ông có những mâu thuẫn như bà N trình bày. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà N và bản thân ông không muốn con cái bị chia tách.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thái H nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Nguyễn Thái H có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà N và ông H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, ngày 26 tháng 10 năm 2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N trình bày: Sau khi kết hôn, bà và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do cách sống của mỗi người khác nhau, không hòa hợp trong chuyện quan hệ vợ chồng, thời gian này bà bị bệnh phụ nữ phải đi điều trị ở rất nhiều nơi nhưng tình trạng không thuyên giảm nên không muốn quan hệ vợ chồng nhưng vẫn bị chồng ép buộc dẫn việc bà phải quan hệ trong trạng thái không tự nguyện, ảnh hưởng trầm trọng đến tinh thần của bà. Bà đã tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể cải thiện được. Đến khoảng đầu năm 2017, vợ chồng xảy ra xô xát, từ đó vợ chồng bà tuy sống chung nhà nhưng ở riêng phòng và không quan hệ vợ chồng cho đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Thái H thừa nhận những mâu thuẫn giữa ông và bà N như lời trình bày của bà N nhưng ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà N và không muốn con cái bị chia tách.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà N, ông H sinh sống có nội dung: Bà N, ông H trong thời gian cư trú tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn cãi vã, to tiếng. Tuy nhiên khu phố chưa tiến hành hòa giải vì các đương sự không yêu cầu.

Quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H, Tòa án đã tiến hành hòa giải và tạo điều kiện về thời gian cho bà N và ông H hàn gắn nhưng không có kết quả, bà N vẫn xác định không còn tình cảm với ông H và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H là trầm trọng, mâu thuẫn đã kéo dài từ năm 2017 cho đến nay, các bên không hòa giải được. Bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông H. Ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng vẫn còn tình cảm vợ chồng với bà N và muốn con cái có đầy đủ cha mẹ tuy nhiên ông H không đưa ra được phương pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được.

Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà N với ông H là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà N, ông H đều xác định ông bà có 02 con chung là: Nguyễn Ái Thảo Nguyên, sinh năm 2007 và Nguyễn Thái Gia Huy, sinh

năm 2014. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thảo Nguyên; ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Gia Huy; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà N được sự đồng thuận của ông H và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N về việc bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thảo Nguyên; ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Gia Huy; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ái Thảo Nguyên, sinh năm 2007; ông H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Gia Huy, sinh năm 2007; bà N, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0000025 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà N đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Thái H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Thái H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND TT Phú Mỹ, H. Tân Thành cũ (TX Phú Mỹ), T. Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My